

Bản án số: 93/2019/HS - ST
Ngày: 31- 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường;

Ông Lê Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan; Thư ký Tòa án nhân dân huyện G. T, tỉnh N. Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trường; Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G. T, tỉnh N. Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/ QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

N. H. V; sinh ngày 13/6/1996, tại xã Hải T, huyện H.H, tỉnh N. Đ; nơi cư trú: Xóm 18 xã Hải T, huyện H.H, tỉnh N. Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Trần Thị H; có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2019 đến nay; hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện G. T, tỉnh N. Đ “có mặt”.

Người làm chứng:

1. Anh Cao Văn K; sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G. T, tỉnh N. Đ; “vắng mặt”.

2. Ông Trần Văn T ; sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Q, huyện G. T, tỉnh N. Đ; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 05/8/2019 tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh N. Đ làm nhiệm vụ tại khu vực trước cửa quán cà phê H thuộc tổ dân phố L, thị trấn Q , huyện G. T phát hiện N. H. V điều khiển xe máy BKS 18H1 - 317.09 có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác yêu cầu V dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra V đã tự giác giao nộp 01 túi nilong màu trắng bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. V khai đó là ma túy đá của V cất giấu để sử dụng cho bản thân, được niêm phong ký hiệu V. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 01 xe máy nhãn hiệu Honda sơn màu trắng đen bạc BKS 18H1 - 317.09.

Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định.

Ngày 05/8/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện G. T đã tiến hành trưng cầu giám định đối với số ma túy đã thu giữ gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 771/GĐKTHS ngày 06/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N. Đ kết luận: “Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01(một) túi nilông được niêm phong ký hiệu V gửi đi giám định là ma túy. Loại ma túy Methamphetamine. Khối lượng mẫu V: 0,209gam”.

Tại bản cáo trạng số: 95/CT - VKS ngày 14/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G. T truy tố N. H. V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện G. T thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố N. H. V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt N. H. V từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo tỏ rõ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G. T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G. T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ; kết luận giám định số 771/GĐKTHS ngày 06/8/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N. Đ; như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 05/8/2019 N. H. V đã có hành vi cấu giấu trái phép 01 Methamphetaminne có Khối lượng mẫu: 0,209gam nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện G. T truy tố N. H. V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ pháp luật

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa pH. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức ma túy là hiểm họa của mỗi gia đình và cộng đồng xã hội là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội, gia tăng tội phạm hình sự, xâm phạm tới đạo đức và sức khỏe con người.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới

có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Đối với số số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 01 xe máy nhãn hiệu Honda sơn màu trắng đen bạc BKS18H1 - 317.09, quá trình điều tra xác định chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng V, khi V lấy xe đi mua ma túy chị H không biết, còn chiếc điện thoại là tài sản hợp pháp không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra Công an huyện G. T đã trả lại cho gia đình bị cáo là phù hợp.

Về nguồn gốc số Methamphetaminne ,V khai mua của một người thanh niên đứng ven đường không biết tên, tuổi, địa chỉ tại thị trấn Quất Lâm 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng, vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.: Tuyên bố: Bị cáo N. H. V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt: Bị cáo N. H. V: 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2019.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định. (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 15/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G. T, tỉnh N. Đ).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, bị cáo N. H. V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo N. H. V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N. Đ;
- VKSND huyện G. T;
- Chi cục THADS huyện G. T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện G. T;
- Công an huyện G. T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền